

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH GIA  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 26-9-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Chung.

2. Bà Nông Thị Ngọc Anh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Nam Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lộc Thị Mới, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn Anh Mỗ Quang V, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lộc Thị Mtrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lộc Thị Mkết hôn với anh Mỗ Quang V vào năm 2016; trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn,

hai vợ chồng sinh sống tại thôn Đ, xã H, huyện B. Quá trình sinh sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, lý do anh Mỗ Quang V thường xuyên tụ tập bạn bè, không tu chí làm ăn. Đến đầu năm 2020, chị Lộc Thị M về nhà sinh con. Khi sinh con được 06 tháng, chị Lộc Thị M tiếp tục đi làm tại Bắc Giang, hai vợ chồng sinh sống làm công ty tại đó nhưng cuộc sống gia đình vẫn luôn phát sinh mâu thuẫn, anh Mỗ Quang V có hành vi đánh và làm rách mũi chị Lộc Thị M. Hai vợ chồng sống ly hôn từ đó đến nay. Hiện nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lộc Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Mỗ Quang V.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Mỗ Thanh T, sinh ngày 04/6/2016 và Mỗ Thanh V, sinh ngày 10/8/2020. Khi ly hôn chị Lộc Thị Mnhường quyền cho anh Mỗ Quang V chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai người con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lộc Thị M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi người 1.000.000đ/tháng; tổng hai người là 2.000.000đ/tháng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn, anh Mỗ Quang V không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện thôn Đ, xã H, huyện B và Công an xã H, huyện B xác định anh Mỗ Quang Vinh và chị Lộc Thị M thường xuyên đi làm công nhân, thi thoảng có trở về địa phương, thăm nom con và gia đình. Hiện nay các con đều được ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Mỗ Quang V vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án đã tiến hành giao các giấy triệu tập, thông báo đến tận tay cho anh Mỗ Quang V thông qua Ủy ban nhân dân xã H và có biên bản giao nhận, niêm yết các văn bản tố tụng.

Đại diện gia đình anh Mỗ Quang V cho biết việc kết hôn giữa chị Lộc Thị M và anh Mỗ Quang V hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng đi làm công ty, thi thoảng về thăm gia đình. Do thời gian chung sống cùng gia đình ít nên chưa thấy sự việc đánh nhau, cãi vã. Tuy nhiên, có một lần anh Mỗ Quang V đánh vào mũi chị Lộc Thị M và phải đi khâu, còn thời gian cụ thể thì không nhớ. Từ khoảng 30/4/2022 đến nay, chị Lộc Thị M không về thăm gia đình. Các giấy tờ Tòa án triệu tập đều được gia đình thông báo cho anh Mỗ Quang V được biết. Hiện nay, các con của anh Mỗ Quang V và chị Lộc Thị M đều được gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Mỗ Quang V không đến Tòa án tham gia trong quá trình tố tụng và nguyên đơn chị Lộc Thị M có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Lộc Thị M đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Mỗ Quang V vắng mặt tại Tòa án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do vậy, anh Mỗ Quang V không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lộc Thị M. Về con chung: Giao các cháu Mỗ Thanh T, sinh ngày 04/6/2016 và Mỗ Thanh V, sinh năm 10/8/2020 cho anh Mỗ Quang V trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Chị Lộc Thị M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi người 1.000.000đ/tháng; tổng hai người là 2.000.000đ/tháng; phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2022 đến khi các con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có quyền thăm nom các con chung không ai được cản trở. Chị Lộc Thị M phải thực hiện lãi chậm trả theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Lộc Thị M được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lộc Thị M khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Mỗ Quang V có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Bị đơn anh Mỗ Quang V vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai, có yêu cầu Tòa án xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Mỗ Quang V là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Lộc Thị M và anh Mỗ Quang V là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nên quan hệ hôn nhân giữa chị Lộc Thị M và anh Mỗ Quang V là hợp pháp. Nguyên đơn chị Lộc Thị M trình bày quá trình chung sống hay phát sinh mâu thuẫn, anh Mỗ Quang V thường xuyên tụ tập bạn bè, không tu chí làm ăn, đôi khi có những lời lẽ xúc phạm đến nhau dẫn đến vợ chồng không còn có tiếng nói chung, không còn tình cảm. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Lộc Thị M và anh Mỗ Quang V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lộc Thị M yêu cầu ly hôn với anh Mỗ Quang V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Có hai người con chung tên là Mỗ Thanh T, sinh ngày 04/6/2016 và Mỗ Thanh V, sinh năm 10/8/2020. Hội đồng xét xử qua xác minh hiện nay các cháu đang sinh sống với bà nội, anh Mỗ Quang V đi làm công nhân vẫn thường xuyên về thăm con, gửi tiền chu cấp cho con. Vì vậy, Giao các cháu Mỗ Thanh T, sinh ngày 04/6/2016 và Mỗ Thanh V, sinh năm 10/8/2020 cho anh Mỗ Quang V trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Chị Lộc Thị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi người 1.000.000đ/tháng; tổng hai người là 2.000.000đ/tháng; phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2022 đến khi các con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có quyền thăm nom các con chung không ai được cản trở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Lộc Thị M trình bày là không có; trong quá trình giải quyết vụ án anh Mỗ Quang V vắng mặt không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Lộc Thị M là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, nguyên đơn chị Lộc Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lộc Thị Mđược ly hôn với anh Mỗ Quang V.

2. Về con chung: Giao các cháu Mỗ Thanh T, sinh ngày 04/6/2016 và Mỗ Thanh V, sinh năm 10/8/2020 cho anh Mỗ Quang V trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lộc Thị Mđược nuôi con chung mỗi người 1.000.000đ/tháng; tổng hai người là 2.000.000đ/tháng; phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2022 đến khi các con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có quyền thăm nom các con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu; mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Lộc Thị Mđược miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lộc Thị Mđược có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Mỗ Quang V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Dương Thị Hiệt**

